TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAN LỘC** **TỈNH HT**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HSST
Ngày: 24/4/2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAN LỘC - HT
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Khắc Hoàng

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Nhạ.

2. Ông Võ Quốc Linh.

Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Hảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện CL.

Đại diện VKSND huyện CL tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lê Na - Kiểm sát viên.

Vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 24/4/2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện CL mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 05/2018/TLST ngày 14/3/2018 đối với bị cáo:

Võ Văn K - Sinh ngày 08/7/1985

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Xóm LL, xã TT, huyện CL, tỉnh HT.

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12

Con ông: Võ Quốc H (1954); Con bà: Hồ Thị K (1960)

Đều làm ruộng và trú tại Xóm LL, xã TT, huyện CL, tỉnh HT.

Anh chị em ruột: Có 04 người con, bị cáo là con thứ hai.

Vợ: Nguyễn Thị O. - Sinh năm 1987 (Đã ly thân từ năm 2014).

Con: Có 02 con, con thứ nhất sinh năm 2012 (Hiện ở với mẹ là chị O. tại xã CT, huyện CX, tỉnh HT), con thứ hai sinh năm 2017 (Là con ngoài giá thú với chị Nguyễn Thị Nh., sinh năm 1993, trú tại xã SH, huyện HS, tỉnh HT)

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 19/12/2017 bị Công an xã TL, CL, HT xử phạt hành chính 02 triệu đồng về hành vi trộm cắp tài sản.

Nhân thân: Năm 2011 bị Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội xử phạt 08 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo bản án HSST số 78 ngày 13/4/2011. Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ quyết định của bản án.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 04 ngày 05/01/2018 của Công an huyện CL, tỉnh HT. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:**

- Bà: Nguyễn Thị U - Sinh năm 1962.

Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Trú tại: Xóm LC, xã TT, CL, HT(Có mặt).

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Hồ Thị K - Sinh năm 1960 - Nghề nghiệp: Làm ruộng (Có mặt).

- Ông Võ Quốc H - Sinh năm 1954 - Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Đều trú tại: Xóm LL, xã TT, huyện CL, tỉnh HT(Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ ngày 27/12/2017 Võ Văn K sinh năm 1985 trú tại xóm L l, xã T t, huyện C l mượn xe mô tô nhãn hiệu Wave 110, BKS 38Z1- 5655 của bố là ông Võ Quốc H một mình đi đến Ki ốt bán hàng tạp hóa của bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1962 ở xóm LC, xã TT, CL để mua thuốc lá. Đến nơi K đi xe vào trong cổng nhà bà U và gọi nhưng không thấy ai ở nhà. K nhìn thấy cửa sổ ki ốt bán hàng bị hở ra do bung múi hàn ở bàn lề cửa nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. K đi lại mở cửa sổ kiốt chui vào trong và lấy trộm 02 cây thuốc lá nhãn hiệu Thăng Long, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung E1200 và số tiền 22 triệu đồng cất trong túi ni lông để ở đầu giường trong ki ốt. Sau khi lấy được tài sản, K chui qua cửa sổ theo lối cũ đi ra. Khi ra đến xe mô tô định quay đi thì gặp bà U đi đám tang về. Bà U hỏi K đi đâu đây. K trả lời đi trả tiền nợ cho ông và lợi dụng lúc bà U mở cửa quán không để ý K đã lên mô tô bỏ chạy. Bà U nghi ngờ nên mở ốt kiểm tra tài sản và phát hiện đã mất số tài sản mà K đã lấy trộm nói trên và bà đã làm đơn trình báo với cơ quan công an. Sau khi lấy trộm được tài sản, K đã cầm tiền cất giấu tại bãi rác ở Thị trấn Nghèn, huyện CL rồi đi chơi, thuốc lá K đã cho người đi đường và sử dụng hết, còn chiếc điện thoại di động K đã đánh rơi trên đường đi. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, do lo sợ nên K đã gọi điện thoại báo cho mẹ mình là bà Hồ Thị K về việc K đã lấy trộm tài sản của bà U. Đến sáng ngày 28/12/2017 K về nhà và cùng với mẹ đến xin lỗi và trả lại cho bà U số tiền 3.000.000 đồng. Đến ngày 29/12/2017 K đã đưa cho mẹ số tiền 19.000.000 đồng để trả lại cho bà U. Bà K đã đưa cho bà U 19.000.000 đồng và 500.000 đồng tiền đền bù chiếc điện thoại và 02

cây thuốc lá Thăng Long. Đến 31/12/2017, K đến cơ quan CSĐT Công an huyện CL, tỉnh HT đầu thú.

Bản kết luận định giá số 01/KL-HĐĐG ngày 23/01/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện CL xác định: Tại thời điểm bị chiếm đoạt, chiếc điện thoại Sam sung E 1200, màu trắng đen, đã qua sử dụng trị giá 150.000 đồng, 02 cây thuốc lá Thăng Long trị giá 200.000 đồng. Tổng giá trị tài sản và tiền mặt mà K lấy trộm của nhà chị Nguyễn Thị U là **22.350.000** đồng (Hai mươi hai triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng).

Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện CL đã thu giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave BKS 38Z1- 5655, màu sơn bạc - đen- xám, số khung 042- 194, số máy 1580857. Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là của ông Võ Quốc H (bố của K) cho K mượn nhưng không biết K sử dụng làm phương tiện để đi thực hiện hành vi phạm tội nên CQĐT đã trả lại cho chủ sở hữu. Chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung E1200 mà K đã lấy trộm tại ki ốt nhà bà U, K đã làm rơi trên đường đi cất dấu số tiền trộm cắp, cơ quan CSĐT Công an huyện CL đã tiến hành truy tìm nhưng không có kết quả.

*** Về trách nhiệm dân sự:**

Sau khi xảy ra vụ án, Võ Văn K đã trả lại số tiền mình đã trộm cắp là 22.000.000 đồng cho bà U và bồi thường 500.000 đồng trị giá chiếc điện thoại và 02 cây thuốc lá Thăng Long theo yêu cầu của người bị hại. Người bị hại đã nhận lại tài sản, nay không có yêu cầu gì thêm về mặt dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Với hành vi trên Võ Văn K bị VKSND huyện CL, tỉnh HT truy tố về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 điều 138 BLHS năm 1999 tại cáo trạng số 05 ngày 12/3/2018. Tại phiên toà hôm nay đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX:

Áp dụng khoản 1 điều 138; tiết 2 điểm b, tiết 1điểm p khoản 1, khoản 2 điều 46 BLHS năm 1999, xử phạt bị cáo từ 08 - 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường đầy đủ cho người bị hại, người bị hại không yêu cầu gì thêm nên đề nghị miễn xét.

Bị cáo nhất trí như truy tố cũng như luận tội, đề xuất của đại diện Viện kiểm sát, ý kiến người bị hại, người liên quan, bị cáo nhận thức rõ sai phạm nên xin Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

Đối với chiếc điện thoại và 02 cây thuốc lá Thăng Long theo định giá có giá trị 350.000 đồng nhưng bị cáo đã bồi thường 500.000 đồng trước đó theo yêu cầu bị hại (Số tiền này bà K bồi thường thay cho bị cáo, bị cáo đã trả lại 500.000 đồng cho bà K) nay bị cáo cũng không yều cầu xem xét, lấy lại phần chênh lệch và không yều cầu Hội đồng xét xử giải quyết.

Người bị hại không có tranh luận, không yêu cầu gì về bồi thường và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu gì về dân sự và tha thiết xin Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ cho bị cáo.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Trong quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo là khách quan, phù hợp với cáo trạng truy tố, lời khai người bị hại, người liên quan cũng như các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Vì vậy đã có đủ căn cứ để kết luận: Vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân, vào khoảng 13 giờ ngày 27/12/2017, Võ Văn K đã lén lút đột nhập vào ki ốt bán hàng của chị Nguyễn Thị U ở xóm LC, xã TT, huyện CL, tỉnh HT lấy trộm 02 cây thuốc lá Thăng Long, 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung E 1200 và 22 triệu đồng tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam. Sau đó K đưa số tiền trộm được sang cất dấu tại bãi rác thị trấn Nghèn và lấy ra 03 triệu đồng cầm theo người và đi vào HT. Khoảng 15 giờ cùng ngày, do lo sợ nên K đã gọi điện thoại nói với mẹ là bà Hồ Thị K về việc trộm cắp tài sản của Bà U. Sau đó vào sáng ngày 28/12/2017, Võ Văn K về nhà và cùng mẹ là Hồ thị K đã đến xin lỗi và hoàn trả cho bà Nguyễn Thị U **3.000.000** đồng. Ngày 29/12/2017, K đi lấy số tiền còn lại là **19.000.000** đồng nhờ mẹ đưa sang trả cho bà U. Trả xong tiền, bà K đã thỏa thuận và bồi thường tiếp cho bà U **500.000** đồng giá trị chiếc điện thoại và 02 cây thuốc lá Thăng Long. Ngày 31/12/2017 bị cáo đã đến Cơ quan Công an huyện CL, HT đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đố với hai cây thuốc lá Thăng long K đã sử dụng và cho người khác trên đường đi, còn chiếc điện thoại Sam sung E 1200 K đã đánh rơi khi đi cất dấu tiền, cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không có kết quả.

Theo kết quả định giá, chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung E 1200 trị giá 150.000 đồng, 02 cây thuốc lá Thăng Long trị giá 200.000 đồng. Như vậy tổng giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị U là **22.350.00 đồng.**

Hành vi trên của bị cáo Võ Văn K đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Hành vi phạm tội thực hiện vào ngày 27/12/2017, tội phạm và hình phạt này được quy định tại khoản 1 điều 138 BLHS năm 1999. Do đó việc khởi tố, truy tố, xét xử bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" là có căn cứ.

[2] Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện C l, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện CL, Kiểm sát viên đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ hợp pháp, khách quan, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không ai có ý kiến hoặc kH nại về hành

vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Tuy nhiên về điều luật áp dụng tại cáo trạng cũng như đề nghị về áp dụng pháp luật của đại diện Viện khiêt sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy tuy hình phạt quy định tại khoản 1 điều 138 BLHS năm 1999 và hình phạt quy định tại khoản 1 điều 173 BLHS năm 2015 (Sửa đổi năm 2017) tương đương nhau nhưng mức hình phạt cao nhất quy định tại điều 138 BLHS năm 1999 là tù chung thân, còn mức hình phạt cao nhất về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại điều 173 BLHS năm 2015 (Sửa đổi năm 2017) là 20 năm tù và như vậy là nhẹ hơn, có lợi cho bị cáo so với điều 138 BLHS năm 1999. Vì vậy theo quy định tại khoản 3 điều 7 BLHS năm 2015 (Sửa đổi năm 2017), điểm b khoản 1 điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội thì ngoài điều luật Viện kiểm sát truy tố, đề nghị tại phiên tòa cần phải áp dụng thêm khoản 1 điều 173 BLHS năm 2015 (Sửa đổi năm 2017) để xử lý và quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội trên địa bàn. Trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt tuy chưa phải là lớn nhưng năm 2011 bị cáo đã bị xét xử về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, trước ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã bị Công an xã TL, CL xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp nhưng vẫn không lấy đó làm bài học cho mình, vì tư lợi cá nhân và để có tiền tiêu xài bị cáo vẫn tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như cáo trạng đã nêu. Hành vi của bị cáo thể hiện sự tham lam, liều lĩnh, coi thường pháp luật cần phải được xử lý nghiêm và cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm đảm bảo giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, nhận thức rõ sai phạm, sau khi sự việc xảy ra đã kịp thời đưa số tiền đã trộm cắp trả lại và bồi thường đầy đủ tài sản cho người bị hại, sau đó ít ngày đã đến cơ quan Công an đầu thú, bố mẹ bị cáo có thời gian phục vụ trong quân đội, người bị hại cũng như người liên quan xin khoan hồng, giảm nhẹ cho bị cáo, đó là các tình tiết giảm nhẹ cần đánh giá, xem xét cho bị cáo khi lượng hình.

Căn cứ các tình tiết của vụ án, tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng, nghĩ cần áp dụng khoản 1 điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 điều 46 BLHS năm 1999, khoản 3 điều 7, khoản 1 điều 173 BLHS năm 2015 (Sửa đổi năm 2017), điểm b khoản 1 điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, xử phạt bị cáo mức án từ 15 - 16 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình là phù hợp và đủ nghiêm.

Trong vụ án này bị cáo mượn xe máy của bố là ông Võ Quốc H để đi và sau đó thực hiện hành vi trộm cắp nhưng ông H không biết gì về hành vi của K nên cơ quan điều tra đã trả lại xe máy cho chủ sở hữu và không xem xét trách nhiệm của ông H trong vụ án này là đúng pháp luật.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người lao động tự do, không ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền quy định tại khoản 5 điều 138 BLHS năm 1999 đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản bị cáo đã trả lại tiền và bồi thường tài sản đầy đủ cho bị hại, riêng số tiền bồi thường giá trị chiếc điện thoại và 02 cây thuốc lá Thăng Long thực hiện theo thỏa thuận trước đó tuy cao hơn kết luận định giá nhưng bị cáo không lấy lại phần chênh lệch và không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết, người bị hại cũng không yêu cầu gì thêm nên miễn xét. Người liên quan ông Võ Quốc H, bà Hồ Thị K cũng không có yêu cầu gì nên miễn xét.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo luật định. Bị cáo, ngời bị hại, ngời có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 điều 46 BLHS năm 1999, khoản 3 điều 7, khoản 1 điều 173 BLHS năm 2015 (Sửa đổi năm 2017); điểm b khoản 1 điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, xử phạt **Võ Văn K 15** ***(Mười lăm)*** tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải nộp **200.000** đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh HT;
- VKSND tỉnh HT;
- VKSND huyện CL;
- CQĐT Công an huyện CL;
- Cơ quan THAHS Công an huyện CL;
- Chi cục THADS huyện CL;
- Bị cáo; Người bị hại, Người liên quan
- Thi hành án hình sự; Lưu HS vụ án; Lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Khắc Hoàng